

## ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỐ

### QUYỂN 44

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 39 trong Kinh).

#### Đoạn thứ mười: PHÁP VÂN ĐỊA

Đầu là nguyên cơ đưa ra: Ý của luận Du Già nói rằng: “Tuy đạt được Đại tự tại, ở trong pháp tuyên thuyết về tất cả phẩm loại, mà chưa có thể đạt được Pháp thân viên mãn Chứng-Thọ hiện rõ trước mắt. Nay tinh tiến chịu khó tu tập, đã đạt được viên mãn, cho nên có phần này đưa ra.”

**Luận nói:** Ở trong Địa thứ chín, đã làm thanh tịnh quốc độ của Phật và giáo hóa chúng sinh, trong Địa thứ mười tu hành khiến cho Trí giác ngộ viên mãn, thì Địa này là thù thắng. Bởi vì Địa thứ tám-thứ chín giống nhau về không có công dụng, so sánh mà hiển bày về thù thắng, cho nên có Địa này đưa ra. Lại bởi vì Địa này ở phần vị cao nhất trong Nhất thừa.

Tiếp là giải thích tên gọi, về sau tự có phần giải thích tên gọi, nay tạm thời sơ lược giải thích.

Vân là Dụ, tóm lược có ba nghĩa: 1- Nghĩa về hàm chứa nước; 2- Nghĩa về che phủ hư không; 3- Nghĩa về tuôn mưa.

Dựa theo Pháp đưa vào Dụ thì có nhiều nghĩa. Vân có bốn nghĩa: 1- Dụ cho Trí tuệ; 2- Dụ cho Pháp thân; 3- Dụ cho Ứng thân; 4- Dụ cho nhân xông ướp của Đa văn.

Hư không cũng có bốn nghĩa: 1- Dụ cho Chân Như; 2- Dụ cho thô nặng; 3- Dụ cho Pháp thân; 4- Dụ cho A-lại-da.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Do đạt được Trí tổng quát duyên với tất cả các pháp, hàm chứa tất cả Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn. Đây là Dụ cho nghĩa về hàm chứa nước, Trí tổng quát duyên với tất cả các pháp-Khế kinh..., không tách rời Chân Như, như mây tụ giữa hư không, Tổng trì Tam-muội tức là nước.” Lại nói: “Ví như chướng ngại rộng

lớn, áng mây lớn có thể che phủ hư không. Đây là Dụ cho nghĩa về che phủ hư không, là bởi vì Trí trước đây có thể che phủ hai chướng của phiền não và Trí.” Lại nói: “Lại có thể viên mãn đối với Pháp thân. Ở đây có hai nghĩa: 1- Dụ cho nghĩa về tuôn mưa, tức là Trí trước đây sinh ra công đức tròn đầy, mà làm chỗ dựa cho Pháp thân; 2- Dụ cho rộng khắp, tức là Trí trước đây tự nhiên đầy đủ Pháp thân mà thôi.”

Vì vậy kinh Kim Quang Minh nói: “Pháp thân như hư không bao la, Trí tuệ như áng mây rộng lớn.”

Trong luận Thành Duy Thức cũng có ba nghĩa, hoàn toàn giống như Nhiếp Luận.

Nhưng mà luận Du Già nói: “Thân thô nặng rộng lớn như hư không, Pháp thân viên mãn ví như áng mây lớn, đều có thể che phủ khắp nơi.”

Ý này giống như nghĩa thứ hai của Nhiếp Luận, mà Vô Tánh giải thích bởi vì Trí che phủ hư không. Đây là bởi vì Pháp thân, Trí đầy đủ thì Pháp thân viên mãn.

Luận Khởi Tín nói: “Pháp thân hiển hiện bởi vì Trí hoàn toàn thanh tịnh.” Phần căn bản nói: Đây đủ tự tại đạt được Đại Pháp thân, cũng dùng Pháp thân để dụ cho mây.

Tam Tạng Chân Đế giải thích về kinh Kim Quang Minh nói rằng: “Hư không dụ cho ba Pháp thân, mây dụ cho Trí của ba đạo.” Đây là Pháp-Dụ cũng như nhau, tựa như không phải là ý của kinh, bởi vì Dụ này là phần vị cao nhất, không phải là phần vị Đạo tiền.

Luận Trang Nghiêm quyển thứ 13 nói: “Ở trong Địa thứ mười, dựa vào môn Tam-muội và môn Đà-la-ni, thâm nhiếp tất cả các nhân huân tập của nghe, đầy khắp trong Thức A-lại-da, ví như mây trôi đầy khắp giữa hư không. Có thể dùng mây huân tập của nghe này, đối với mỗi một sát-na, đối với mỗi một tướng tốt, đối với mỗi một vẻ đẹp, đối với mỗi một lỗ chân lông, rưới xuống vô lượng vô biên làn mưa giáo pháp, tràn ngập tất cả chúng sinh đã giáo hóa. Bởi vì có thể như áng mây rưới xuống làn mưa giáo pháp, cho nên gọi là Pháp Vân. Đây là thuận theo Pháp thân chưa sánh bằng Phật, cho nên thiết lập tên gọi A-lại-da.”

Luận Thập Trú nói: “Ở thế giới không có Phật, mà có thể rưới làn mưa giáo pháp.”

Luận Du Già lại có ý rằng: “Nói áng mây lớn, là chưa hiện rõ Đẳng giác. Nếu hiện rõ Đẳng giác, thì có thể rưới xuống làn mưa lớn mà làm lợi ích. Đây là áng mây dày đặc không tuôn mưa, hàm chứa đức mà thôi.”

Nhưng các cách giải thích tuy nhiều mà không ra ngoài ba nghĩa, đó là bởi vì Trí tuệ hàm chứa đức, đoạn trừ tất cả các chướng ngại, chứng được tất cả Pháp thân.

Đã che phủ thô nặng tức là chướng ngại đã lìa xa, nghĩa là ở trong các pháp chưa có thể tự tại đối với chướng ngại, đây là chướng ngại đến mây Trí thuộc về Đại pháp ở Địa thứ mười. Do hàm tàng mà khởi lên hành nghiệp (sự nghiệp), đây chính là hai Ngu. Do chướng ngại mà khởi nghiệp, gọi là Ngu về Đại thân thông; chướng ngại đến mây Đại Trí, tức là Ngu về tổ ngộ tiến vào bí mật vi tế. Đoạn trừ chướng ngại này, thì có thể chứng được Chân Như làm chỗ dựa cho nghiệp tự tại..., nghĩa là Thân thông-Tác nghiệp-Tổng trì-Định môn đều tự tại. Liên thành tựu Hạnh tiếp nhận phần vị..., đầy đủ Trí Ba-la-mật, đạt được quả Tam-muội Hóa thân..., tức là cuộn mây tuôn mưa, cuối cùng thành tựu Pháp thân của Phật, cho đến chứng được Chân Như cũng đều rộng khắp hư không. Ý nghĩa ấy chỉ một mà thôi.

Tiếp là chính thức giải thích văn. Trong văn có ba phần:

**Trong phần một:** Là ca ngợi thừa thỉnh, có mười sáu kệ phân hai: Mười ba kệ trước là ca ngợi, ba kệ sau là thừa thỉnh.

Trong mười ba kệ trước cũng có hai: Ba kệ đầu là chỉ trình bày về cúng dường, có ba loại có thể biết. Mười kệ sau là Thiên Nữ cúng dường ca ngợi.

Trong mười kệ sau cũng có hai: Một kệ trước là tổng quát nêu lên cúng dường ca ngợi, chín kệ còn lại là chính thức hiển bày về ngôn từ ca ngợi.

Trong chín kệ còn lại cũng có hai: Tám kệ đầu là ca ngợi năng lực thuộc đức của Phật, một kệ sau là lợi ích khuyến khích tu tập.

Trong tám kệ đầu cũng có hai: Năm kệ trước ca ngợi về Đại Dụng tự tại, ba kệ sau hiển bày về nguyên cơ của tự tại.

Trong năm kệ trước cũng có hai: Hai kệ đầu là Đại Dụng lợi ích rộng khắp mọi nơi, ba kệ sau là tùy theo nhìn thấy không giống nhau.

Trong ba kệ sau cũng có hai: Một kệ trước là tổng quát trình bày, hai kệ sau là hiển bày về tám tướng.

Trong ba kệ hiển bày về nguyên cơ của tự tại cũng có hai: Một kệ đầu là Trí hiểu rõ về thế gian huyễn ảo, văn có Dụ-Hợp. Hai kệ sau là chứng đến tận cùng tánh-tướng, trong đó: Nửa kệ là Thể của Chứng, nửa kệ là khởi lên Dụng, nửa kệ là Dụng không lìa xa Thể, nửa kệ là Thể-Dụng phai mờ không còn.

Trong ba kệ sau là thừa thỉnh: Một kệ trước là kết thúc lặng yên

nghe đến thừa thỉnh, hai kệ sau là vị Thượng thủ mở lời thừa thỉnh.

**Phần hai:** Là chính thức thuyết giảng, Luận phân ra tám phần:

1- Phần phương tiện làm đầy đủ cho Địa, thâm nhiếp toàn bộ pháp đã tu tập của chín Địa trước đây mà làm phương tiện đầy đủ của Địa này.

2- Phần đạt được Tam-muội, Hạnh bắt đầu trú vào Địa, bởi vì đức của Hạnh vô lượng, cho nên chỉ nêu ra chỗ dựa mà nhận lấy chức vị.

3- Phần thích hợp nhận lấy chức vị, Hạnh chính thức trú vào Địa, bởi vì dựa vào Định lực trước đây mà thâm nhiếp Trí của Phật.

4- Phần tiến vào Đại tận, là Hạnh của Địa đầy đủ, bởi vì hướng về Hạnh của các Địa trước đây đã cùng tận, nay lại đầy đủ Địa đến cuối cùng.

5- Phần giải thích tên gọi, Địa này tu học tận cùng, cho nên biện giải về đức mà hiển bày tên gọi.

6- Phần thần thông lực Hữu thượng-Vô thượng, Địa đã đầy đủ Diệu Dụng tự tại, so với trước thì Vô thượng, mà so với Phật thì thua kém.

7- Phần ảnh tượng của Địa, dùng Dụ hiển bày về Pháp, như dựa vào ảnh tượng mà nhận biết hình hài-sắc chất.

8- Phần lợi ích của Địa, làm sáng tỏ về thuyết giảng thù thắng mà khuyến khích tu tập hướng đến tiến vào.

Hai phần sau bao gồm đầy đủ mười Địa, lấy trước thâm nhiếp sau mà nói Địa này có tám phần. Nếu dựa vào Trường hàng phân tích trước đây, hai phần sau nối thông thì Địa này phân hai: Trước là trình bày về Hạnh của Địa, sau là làm sáng tỏ về Quả của Địa. Trong phần Hạnh của Địa mới có sáu phần, như trước đã nêu ra. Trong sáu phần: Một phần đầu là tâm tiến vào, các phần còn lại là tâm trú vào; tâm vượt ra tức là quả Điều Nhu, như trước đã nói.

**Phần 1:** Phần phương tiện làm đầy đủ cho Địa, có hai: Trước là tổng quát trình bày, sau từ “Thiện mãn...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong tổng quát: Vô lượng Trí là bởi vì A-hàm rộng lớn, quán sát hiểu biết rõ ràng là bởi vì Chứng Trí sâu xa. Trong luận Bảo Tánh nói: “Bồ-tát Địa thượng phát khởi hai loại tu hành: 1- Dựa theo Căn bản trí gọi là tu tập như thật, thì đây là Trí chứng đặc; 2- Dựa theo Hậu đắc trí, gọi là tu hành khắp nơi, thì đây là Trí rộng khắp. Các Địa khởi lên đầy đủ hai loại Hạnh trên, nay Địa này quyết định lựa chọn tư duy tu tập đối với hai Hạnh trên.

Trong riêng biệt có mười câu, thấu nhiếp làm bảy tướng, bởi vì ba câu đầu và hai câu 7-8 hợp lại ở hai nơi. Trong bảy tướng:

1- Bởi vì khéo léo tu hành, tức là Đồng tướng, nghĩa là ba câu đầu trình bày cùng tu về Chứng-Trợ-không trú vào của các Địa: Câu đầu là pháp thiện vô lậu thuộc về Chứng đạo. Vì sao có thể Chứng đạo? Bởi vì câu tiếp là Trợ đạo. Vì sao thành tựu Trợ đạo? Bởi vì câu sau là không trú vào đạo, tăng thêm phước đức cho nên không trú vào Vô vi, tăng thêm trí tuệ cho nên không trú vào Hữu vi. Sáu tướng sau là Biệt tướng.

2- Đại Bi thực hành rộng khắp, tức là tướng Tự lợi-Lợi tha tùy thuận rộng khắp mọi nơi. Đây là tổng quát bảy Địa trước hợp lại làm một tướng, bởi vì tướng sai biệt của bảy Địa, phần đầu của Địa thứ tám đã phân rõ. Ở đây tổng quát nêu ra rộng khắp mọi nơi (Phổ biến) là giải thích về rộng khắp (Quảng), tùy thuận là giải thích về Đại Bi thực hành Lợi tha mà thành tựu Tự nghiệp, cho nên nói là Tự lợi.

3- Có một câu về làm cho quốc độ Phật thanh tịnh, tức là tướng của Địa thứ tám. Ba tướng sau tức là Địa thứ chín, bởi vì Thân Chứng cho nên ở đây nêu ra nhiều, đó là:

4- Có một câu về tướng giáo hóa chúng sinh, tức là Hạnh thuộc Tự phần của Địa thứ chín, bởi vì tiến vào mười một Trù Lâm.

5- Có hai câu về tướng khéo léo hiểu biết, nghĩa là hiểu biết thông suốt về Chân Như là nơi thực hành của Phật, khéo léo thuận theo Như Lai mà có thể chứng được Hạnh tịch diệt.

6- Tướng không hề thỏa mãn, luôn luôn quán sát về Lực... mà mong muốn hưởng đến tiến vào. Câu trước là Giải (hiểu biết), câu này là Hạnh, đều là phần Thắng tiến của Địa thứ chín. Địa trước nói: Bởi vì ngày đêm chuyên cần lại không có niệm khác, chỉ tiến vào cảnh giới của Phật.

7- Tướng cuối cùng đến tiến vào của Địa, nghĩa là Địa thứ mười chứng đến tận cùng, mà giống với các Địa trước. Kết luận về Hạnh tiến vào phần vị đã thuộc về Địa thứ mười, cho nên nói là thích hợp tiếp nhận chức vị.

**Phần 2:** Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ như thị...” trở xuống là trình bày về phần Tam-muội, trong đó có hai: a- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; b- Từ “Tức đắc...” trở xuống là chính thức hiển bày.

Trong phần b là chính thức hiển bày, có bốn: Một- Riêng biệt nêu ra mười tên gọi; Hai- Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về số

lượng đã đạt được; Ba- Từ “Bồ-tát ư thử...” trở xuống là làm sáng tỏ về tiến vào đầy đủ; Bốn- Từ “Kỳ tối hậu...” trở xuống là hiển bày về tên gọi cuối cùng.

**Mục một-** Trong mười tên gọi: Tên gọi đầu là tổng quát, tên gọi còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát nói: Ly Cấu, là bởi vì lìa xa cấu nhiễm của phiền não, thì riêng Địa không còn chướng ngại mới nhận được tên gọi này.

Trong riêng biệt là chín Định lìa xa tám loại cấu nhiễm:

1: Tiến vào bí mật không có cấu nhiễm, nghĩa là hiểu rõ nơi sâu xa bí mật tiến vào Sự Sự pháp giới, bởi vì không đi cùng với phiền não.

2: Tiếp cận không có cấu nhiễm, vạn hạnh đã tròn vẹn mà tiếp cận đạo tràng ấy, như kinh Tịnh Danh trình bày. Trên đây, một loại đầu là Giải, một loại tiếp là Hạnh. Ba loại sau là thành tựu Đức.

3: Phát ra ánh sáng không có cấu nhiễm, nghĩa là ánh sáng làm nở hoa tâm, khiến cho thấy được quả ấy, cũng có thể an tọa trên đủ loại hoa sen lớn quý báu mà ánh sáng chiếu rọi khắp nơi.

4: Đà-la-ni không có cấu nhiễm, như biển chứa đựng tất cả.

5: Phát khởi thân thông không có cấu nhiễm, bởi vì vô tâm lập tức hiện bày. Năm loại trên đều là phát khởi về Định của Pháp thân.

6: Có hai Định về thanh tịnh quốc độ Phật không có cấu nhiễm, câu trước là Vô lượng bởi vì tận cùng giới hạn (Cương vực) của pháp giới, câu sau là chính thức quán sát tận cùng Thể tánh của quốc độ. Sáu loại trên là Tự lợi.

7: Giáo hóa chúng sinh không có cấu nhiễm. Tự lợi-Lợi tha trên đây đều là Hạnh thuộc Tự phần.

8: Chánh giác không có cấu nhiễm, nghĩa là Thắng tiến hưởng lên Giác ngộ lúc sắp thành tựu Bồ-đề, tất cả chư Phật lần lượt cùng nhau hiện rõ trước mắt mà chứng thực nhận biết, như phần sau nói về tiếp nhận chức vị, bởi vì Bản giác sắp hiện bày.

**Mục hai-** Là kết luận về số lượng đã đạt được, cũng là quyền thuộc; đều hiện rõ trước mắt, là bởi vì thành tựu tu tập đã lâu, không thêm công lực mà tự nhiên hiện bày.

**Trong mục ba:** Là làm sáng tỏ về tiến vào đầy đủ: Chủ động tiến vào, là bao gồm Thể của Định phương tiện tiến vào-rời ra, ẩn hiện ngay trong nhau không có phương hướng xứ sở, cho nên nói là thiện xảo; khéo léo hiểu rõ việc đã làm tức là nhận biết về nghiệp dụng.

**Mục bốn:** Là hiển bày về tên gọi cuối cùng, bởi vì sắp thuyết giảng về phần tiếp nhận chức vị. Nhất thiết trí, là Trí vô phân biệt của

Phật. Luận về Kinh nói lặp lại chữ Trí là bao gồm Hậu đắc trí, hai Trí bình đẳng gọi là tiếp nhận chức vị (Thọ vị).

**Phần 3:** Từ “Thử Tam-muội hiện tiền...” trở xuống là trình bày về phân thích hợp nhận lấy chức vị, trong đó có bốn: a- Pháp; b- Dụ; c- Hợp; d- Kết luận.

**Phần a-** Pháp, có sáu: Một- Pháp tòa; Hai- Thân; Ba- Quyển thuộc; Bốn- Tướng; Năm- Nơi sinh ra; Sáu- Đạt được phần vị.

Trong sáu loại: Năm loại trước là đầy đủ đức thuộc Tự phần, một loại sau là hưởng lên trên thân nhiếp quả Phật. Trong năm loại trước: Ba loại đầu là Thể của phần vị, một loại tiếp là Tướng của phần vị, một loại sau là Dụng của phần vị. Ba loại đầu tức là Y báo-Chánh báo và quyển thuộc.

**Mục một-** Tùy theo Pháp tòa như thế nào? Nghĩa là pháp tòa bằng hoa chúa lớn quý báu, trong đó có hai:

Trước là trình bày về hoa chủ, tự nhiên có mười tướng: 1- Tướng chủ, tức là hoa sen quý báu. 2- Từ “Kỳ hoa...” trở xuống là tướng về hạn lượng. 3- Từ “Dĩ chúng diệu...” trở xuống là tướng thù thắng, bởi vì đầy đủ đức. 4- Từ “Siêu quá...” trở xuống là tướng của Địa, vốn là nơi sinh ra. 5- Từ “Xuất thế...” trở xuống là tướng của nhân. 6- Từ “Tri chư...” trở xuống là tướng của thành tựu. 7- Từ “Hằng phóng...” trở xuống là tướng của Đệ nhất nghĩa, Chánh quán soi chiếu khắp nơi mà hiện rõ sự việc trong pháp giới, như hoa sen ở thế gian nở tròn, bởi vì hoa sen (Hạm đạ) là bậc nhất. 8- Từ “Phi chư Thiên...” trở xuống là tướng của công đức, bởi vì đức của Bồ-tát cảm đến. 9- Từ “Tỳ lưu ly...” trở xuống là tướng của Thể. 10- Từ “Kỳ hoa...” trở xuống là tướng trang nghiêm.

Sau từ “Thập-tam thập...” trở xuống là trình bày về hoa quyển thuộc.

**Mục hai-** Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là tùy theo Thân như thế nào? Vốn là thân thù thắng vi diệu phù hợp với pháp tòa.

**Mục ba-** Từ “Vô lượng...” trở xuống là tùy theo Quyển thuộc như thế nào?

**Mục bốn-** Từ “Phật tử, thử Đại...” trở xuống là tùy theo Tướng như thế nào? Vốn là tác nghiệp rộng khắp mọi nơi làm tướng ấy.

**Mục năm-** Từ “Phật tử, thử Bồ-tát tọa bỉ...” trở xuống là tùy theo nơi sinh ra như thế nào? Mười nơi phát ra ánh sáng khiến cho ra khỏi đường ác, mà tăng thêm hạnh của Bồ-tát. Văn phân làm bốn: 1- Tòa ra ánh sáng tác nghiệp; 2- Các Thánh đều nhận biết; 3- Phần vị dưới tìm đến nhanh như gió; 4- Đồng thanh tương ứng.

*Mục 1-* Tỏa ra ánh sáng tác nghiệp, mười nơi phát ra ánh sáng có ba loại nghiệp: a- Nghiệp làm lợi ích; b- Nghiệp gợi mở giác ngộ; c- Nghiệp thâm nhiếp thuận phục.

Nay tương tự ví dụ thuận theo nhau lại phân làm bốn tiết:

*Tiết một-* Bảy ánh sáng trước chỉ có nghiệp làm lợi ích: Năm loại trước là lợi ích cho phàm phu, hai loại sau là lợi ích cho Tiểu thừa.

*Tiết hai-* Một ánh sáng thứ tám có hai nghiệp rười: 1- Lợi ích, bởi vì lợi ích cho Bồ-tát Địa thứ chín trở về sau; 2- Gợi mở giác ngộ khiến cho nhận biết. Nói một nửa, là chỉ có nghĩa về thâm nhiếp, bởi vì thâm nhiếp khiến cho họ tìm đến.

*Tiết ba-* Một ánh sáng thứ chín cũng có hai nghiệp rười: 1- Lợi ích cho Bồ-tát cùng chung phần vị, vẫn sau nói ánh sáng ấy đã làm lợi ích cho phần vị này thì ánh sáng này chắc chắn làm lợi ích cho phần vị ấy; 2- Gợi mở giác ngộ khiến cho nhận biết. Nói một nửa, là cung Ma không hiện rõ, vốn là nghiệp điều phục.

*Tiết bốn-* Ánh sáng thứ mười từ đỉnh đầu chỉ có nghiệp gợi mở giác ngộ, vẫn phân làm ba: 1- Hiển bày về phạm vi giới hạn soi chiếu. 2- Từ “Hữu nhiều...” trở xuống là chính thức hiển bày về tác nghiệp, nghĩa là phát khởi cúng dường thành tựu lợi ích. Nói không lui sụt Bồ-đề, Luận có bốn nghĩa: a- Bởi vì quyết định Chứng đối với Đăng Địa; b- Bởi vì tiến vào Chánh định tụ; c- Bởi vì chắc chắn lìa bỏ phóng dật xấu ác; d- Bởi vì chắc chắn tích tập việc thiện. 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là việc làm kết thúc thu lại ánh sáng. Nói tiến vào dưới chân: Nếu dựa theo Giáo tướng, thì ánh sáng trên đỉnh đầu tiến vào chân, bởi vì hiển bày về tôn kính sâu xa. Nếu dựa theo Chứng Thật, thì Trí cuối cùng từ dưới thấp hướng đến mà tiến vào cảnh giới của chư Phật. Vì vậy Luận giải thích ở đoạn sau nói: Bởi vì thâm nhiếp bình đẳng, hiển bày về chứng được cảnh giới Phật, tức là Tự chứng.

*Mục 2-* Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là các Thánh đều nhận biết.

*Mục 3-* Từ “Phật tử thị thời...” trở xuống là phần vị dưới tìm đến nhanh như gió, bày tỏ cung kính đạt được lợi ích. Văn đều có thể biết.

*Mục 4-* Từ “Đương nhĩ chi thời...” trở xuống là đồng thanh tương ứng, bởi vì tu nhân hạnh bình đẳng giúp đỡ lẫn nhau, biểu thị về đức trang nghiêm sâu rộng tốt lành ở bên trong, bởi vì tâm đã tròn vẹn, bên ngoài ở tại tướng này phát ra ánh sáng làm lợi ích lẫn nhau. Lại trước là ở nơi này soi chiếu nơi kia, ánh sáng phát ra giữa chạng mờ, biểu thị cho Trung đạo đã soi chiếu; nay ở nơi kia soi chiếu nơi này, chính là ở tướng ngược, biểu thị cho tâm cùng phù hợp sâu xa, đức tròn vẹn-Ma



không còn, gọi là hủy hoại Ma oán.

**Mục sáu-** Từ “Nhĩ thời thập phương...” trở xuống là trình bày tùy theo phần vị đã đạt được, trong đó có hai:

**Mục 1-** Phát ra ánh sáng, trong có mười nghiệp: 1- Tên gọi của ánh sáng tức là nghiệp lợi ích, bởi vì tăng thêm Nhất thiết trí mà khiến cho thành Phật. 2- Ánh sáng quyển thuộc là nghiệp của nhân. 3- Thị hiện Phật là nghiệp cung kính. 4- Nghiệp mở bày giác ngộ. 5- Nghiệp làm chấn động. 6- Nghiệp ngăn chặn điều ác. 7- Nghiệp hàng phục Ma quân. 8- Nghiệp thị hiện. 9- Từ “Như thị...” trở xuống là nghiệp tụ vào tán ra. 10- Thị hiện đủ loại tức là nghiệp biến hóa.

**Mục 2-** Từ “Hiện thị sự dĩ...” trở xuống là tiến vào đỉnh đầu mà thành tựu lợi ích. Tiến vào đỉnh đầu: Nếu dựa theo tướng giáo hóa thì trên thu nhận đối với dưới. Nếu dựa theo Thật nghĩa thì soi chiếu tận cùng nguồn tâm, gọi là Trí Đảnh, thành tựu quả thuộc về mình, đó là tiến vào ánh sáng.

**Luận nói:** Ánh sáng của các Đức Như Lai, Bồ-tát ấy lần lượt cùng với Trí bình đẳng mà thâm nhiếp tiếp nhận, nghĩa là ánh sáng trên đỉnh đầu Bồ-tát tiến vào dưới chân Phật, là nhân hưởng lên trên tiến vào quả, ánh sáng của Phật tiến vào đỉnh đầu Bồ-tát là quả thu lấy nhân, cũng là nhân thu lấy quả, tiến vào thì không còn dấu vết, nhân quả cùng mất đi gọi là bình đẳng.

Từ “Đương nhĩ chi thời...” trở xuống là đạt được lợi ích. Từ “Danh vi...” trở xuống là kết luận về phần vị. Tiến vào cảnh giới của Phật là pháp đã chứng giống nhau. Đây đủ mười Lực là Hạnh đức giống nhau. Thuộc về số lượng của Phật, là như mới xuất gia liền thuộc về số lượng của Tăng.

**Phần b-** Từ “Phật tử, như Chuyển Luân...” trở xuống là Dụ, dụ cho sáu sự việc trên đây, vẫn có phần không theo thứ tự: Một- Dụ cho tùy theo thân nào. Hai- Từ “Kỳ Chuyển Luân...” trở xuống là dụ cho tùy theo pháp tòa nào. Ba- Từ “Trường đại...” trở xuống là dụ cho tùy theo tướng nào. Bốn- Từ “Thủ tứ đại...” trở xuống là dụ cho tùy theo phần vị đã đạt được, Vương dụ cho Chân thân, tay dụ cho Ứng thân, bình dụ cho Bạch hào, nước dụ cho ánh sáng. Thuận theo có Dụ thứ ba về tùy theo quyển thuộc như thế nào, nghĩa là văn võ bá quan dùng làm phụ tá. Năm- Từ “Tức năng...” trở xuống là trình bày về tùy theo xuất xứ như thế nào.

**Phần c-** Từ “Bồ-tát thọ chức...” trở xuống là Hợp, nhưng hợp với tùy theo phần vị đã đạt được, bởi vì ý chính thuộc về nơi này.

Phần d- Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận, kết luận về một phần này.

**Phần 4:** Từ “Phật tử, Bồ-tát trú xứ Pháp Vân...” trở xuống là trình bày về phần tiến vào Đại tận, trong đó có năm loại Đại: Một: Trí Đại; Hai: Giải thoát Đại; Ba: Tam-muội Đại; Bốn: Đà-la-ni Đại; Năm: Thần thông Đại.

Năm Đại này dựa vào năm loại nghĩa: Một- Dựa vào nghĩa về Thật Trí của Chánh giác, bởi vì lìa xa chướng của Trí; Hai-Dựa vào nghĩa về tự tại của tâm, bởi vì lìa xa chướng của phiền não; Ba- Dựa vào phát tâm tức là nghĩa về thành tựu tất cả sự việc, bởi vì Định lực của ý; Bốn- Dựa vào nghĩa thuận theo lợi ích chúng sinh ở tất cả thế gian, bởi vì ý có thể duy trì tất cả-miệng có thể tùy thuận tất cả; Năm-Dựa vào nghĩa có thể hóa độ chúng sinh, bởi vì Thân và các Thông có thể vận dụng rộng rãi. Hai loại trước là Tự lợi, ba loại sau là Lợi tha.

Trong văn có ba mục: Hai loại trước là riêng biệt trình bày, ba loại sau là hợp lại ví dụ.

**Mục một-** Trí Đại, phân hai: Trước là riêng biệt trình bày, sau là tổng quát kết luận.

Mục trước, có bảy loại Trí: 1- Trí Đại thuộc về Tập; 2- Trí Đại thuộc về Ứng hóa; 3- Trí Đại thuộc về Gia trì; 4- Trí Đại thuộc về Nhập vi tế; 5- Trí Đại thuộc về Mật xứ; 6- Trí Đại thuộc về Nhập kiếp; 7- Trí Đại thuộc về Nhập đạo. Bảy Trí này lần lượt chuyển tiếp sinh khởi lẫn nhau.

**Mục 1-** Trí Đại thuộc về Tập. Dựa vào lực có thể đoạn trừ nghi ngờ, bởi vì hiểu rõ về pháp duyên Tập. Trong văn: a- Riêng biệt trình bày; b- Từ “Cử yếu...” trở xuống là tổng quát kết luận.

*Trong mục a,* có hai mươi Tập đều trình bày về Tập thuộc nhân duyên, nhưng bao gồm Chân-Vọng cùng với hòa hợp, cho nên có ba phần: Một-Phần Nhiễm; hai-Phần Tịnh; ba-Phần Diệt.

Trong văn có sáu lớp: 1- Chỉ riêng Nhiễm, đó là bốn Tập đầu và Tập của chúng sinh, Tập thuộc về các Kiến phiền não. 2- Chỉ riêng Tịnh, đó là các Tập của Thanh văn trở xuống. 3- Chỉ riêng Diệt, đó là Hư không. 4- Tịnh và Nhiễm hợp lại mà nói, đó là Thức và Thành-Hoại của thế giới Hữu vi. 5- Tịnh và Diệt hợp lại mà nói, đó là Vô vi và Niết-bàn, Trạch diệt Vô vi là Tịnh, Phi trạch diệt là Diệt; Niết-bàn tánh tịnh gọi là Diệt, ba loại Niết-bàn còn lại là Tịnh. 6- Bao gồm Nhiễm-Tịnh và Diệt, đó là Pháp giới, cho nên Luận nói: Tùy theo Chánh-Bất chánh, bởi vì Pháp giới bao gồm Thiện-Bất thiện và Vô vi. Mà các câu trong

Luận đều có chữ Tùy Sở, là bởi vì tùy theo sai biệt như thế nào mà đều có thể nhận biết.

*Mục 2-* Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày Trí Đại thuộc về Ứng hóa. Trong đó có ba: a- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, bởi vì Trí thân khởi lên Lực dụng giáo hóa dựa vào Duyên Tập trước đây, cho nên Luận nói: Khởi lên Lực dụng dựa vào thân ấy. b- Từ “Như thật...” trở xuống là chính thức hiển bày. c- Từ “Như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận.

*Trong mục b,* chính thức hiển bày có mười câu: Ba câu đầu là hóa hiện về Chúng sinh thế gian tự tại, hóa hiện dấy khởi nghiệp thiện-ác của chúng sinh và Lợi sử-Độn sử, mà khiến cho chúng sinh thấy tựa như đích thực tạo tác. Một câu tiếp là hóa hiện về Khí thế gian tự tại. Năm câu tiếp là hóa hiện về Trí chánh giác thế gian tự tại, vốn là Chánh giác thuộc về Tam thừa: Một câu là hóa hiện Pháp giới, vì Tam thừa mà thuyết giảng về pháp hành; bốn câu còn lại là hóa hiện làm người Tam thừa và quả. Một câu sau cuối là bao gồm ba thế gian, Hữu tình thế gian có phân biệt, Khí thế gian không có phân biệt, Trí chánh giác thế gian bao gồm hai loại trước.

*Mục 3-* Từ “Hựu như thật tri Phật trì...” trở xuống là Trí Đại thuộc về Gia trì. Luận nói: Dựa vào Lực của Hạnh chuyển biến như vậy-như vậy, nghĩa là dựa vào Ứng hóa ấy mà thường xuyên hóa hiện không dứt, là Hạnh gia trì. Sự việc ấy không phải là một, cho nên nói lặp lại như vậy-như vậy.

Văn có mười một câu: Ba câu đầu nói về không đoạn dứt Tam Bảo, là cảnh giới gia trì; tám câu còn lại là Hạnh gia trì.

Trong tám câu: Hai câu trước là nghịch hạnh, hạnh nung thân trên lửa nóng không chán, hạnh Bà-tu ác nghiệt nhiễm dục khắp nơi, ở trong tà đều là sự việc ấy. Sáu câu sau là thuận hạnh: Bốn câu đầu là hạnh thuộc về nhân khởi lên, Thời là thời gian của nhân khởi lên, Nguyện... là Thể của nhân; hai câu sau là đạt được quả thuộc về thời gian, Thời là kiếp dài, Trí là Thể của quả, nghĩa là Trí của Nhất thiết trí.

*Mục 4-* Từ “Hựu như thật tri chư Phật...” trở xuống là Trí Đại thuộc về Nhập vi tế, nghĩa là bởi vì nhận biết về Dụng hóa hiện vi tế tự tại của Phật. Luận nói: Dựa vào Trí thuộc về Ứng hóa-Gia trì khéo léo tích tập mà làm không hai, nghĩa là dựa vào ba Trí thuộc về Ứng hóa... trước đây hợp lại làm Trí không hai, là Dụng của hóa hiện vi tế này. Vì vậy tùy theo một Sự đã đầy đủ ba Sự trước, không những tám tướng, mà một

tướng cũng đầy đủ bảy tướng còn lại, văn đều có thể biết.

*Mục 5-* Từ “Hựu nhập...” trở xuống là Trí Đại thuộc về Mật xứ. Dựa vào chúng sinh chưa thuần thực mà bảo vệ căn, không để cho sợ hãi, hiện rõ thô-ẩn kín tế mà bí mật cùng thành tựu. Văn có mười câu:

Ba câu đầu tức là tổng quát hiển bày về Tam mật.

Ba câu tiếp là riêng biệt hiển bày về bí mật khởi lên hóa hiện: 1- Ý nhận biết thời gian hóa hiện. 2- Miệng ghi nhận cho họ, nghĩa là người lưỡi nhấc uể oải thì thông thả ghi nhận, người yếu hèn rút lui thì nhanh chóng ghi nhận, hoặc là dẫn ra Thật hạnh của Thanh văn, cùng với Ứng hóa mà ghi nhận. Lại xưa kia chỉ ghi nhận cho Bồ-tát, thì ghi nhận cho Thanh văn là bí mật, ẩn hiện tùy cơ. 3- Bí mật thâm nhiếp chúng sinh, Luận về Kinh nói là thâm nhiếp điều phục, nghĩa là thâm nhiếp tiếp nhận làm cho phải thuần phục, đều bao gồm thân-miệng.

Một câu tiếp là Giáo bí mật, dựa theo Thật thì không có ba mà nói thành ba, ba tức là Mật, bởi vì chỉ là Bồ-tát hoa hiện; dựa theo căn cơ, không phải một mà nói là một, một cũng là Mật.

Ba câu sau là dựa theo pháp đã nhận biết để trình bày về Mật, nhận biết đủ loại căn, nhận biết về nghiệp vô cùng sai biệt, nhận biết về hạnh thuận-nghịch, bởi vì đều đạt được Bồ-đề là Mật.

*Mục 6-* Từ “Hựu tri...” trở xuống là Trí Đại thuộc về Nhập kiếp. Dựa vào ý tự tại xả bỏ-gia trì Mạng hành, nghĩa là: Kiếp luôn luôn chuyển biến trôi qua gọi là Mạng hành; một thâm nhiếp tất cả gọi là Gia trì; một hòa vào tất cả gọi đó là Xả, bởi vì rời bỏ chính mình tùy theo người khác; kiếp chuyển theo tâm gọi là Tự tại; cũng là môn Thập Thế Cách Pháp Dị Thành. Bởi vì đạt được giải thoát không thể nghĩ bàn, không thấy dài-ngắn, một-nhiều, lớn-nhỏ cùng dựa vào nhau-hòa vào nhau..., đều như phẩm Phát Tâm trình bày.

*Mục 7-* Từ “Hựu tri Như Lai...” trở xuống là Trí Đại thuộc về Nhập đạo. Luận nói: Dựa vào ý đối trị mà nói, nghĩa là tiến vào tất cả các Đạo, hoặc thuận-hoặc nghịch đều là đối trị, tất cả đều là Nhập đạo. Đây là dựa theo nhận biết về Đạo của phàm phu. Nếu dựa theo nhận biết về Đạo chuyển hóa phàm phu, thì thuận nghịch... này chính là Phật đạo.

Trong riêng biệt có mười bốn câu: Câu đầu là tổng quát về tiến vào chúng sinh đã giáo hóa, nghĩa là tâm hành bất định(Mao đạo) của phàm phu vốn tùy theo gió không nhất định. Luận về Kinh nói là tiến vào Đạo của phàm phu. Luận nói: Dựa vào Địa của phàm phu. Những câu còn lại riêng biệt hiển bày về chúng sinh đã giáo hóa, tóm lược có ba loại:

1- Dựa vào hiện hành Ngũ mạn, khiến cho tiến vào vi trần, Trí quán sát rõ ràng về tích tụ nương nhờ, chỉ là bụi trần vốn Vô ngã.

2- Dựa vào niềm tin mong cầu sinh lên cõi trời, vượt qua pháp đã tin theo mà tiến vào quốc độ thanh tịnh.

3- Còn lại đều là dựa vào giác quán, trong đó: Một câu trước là khởi lên giác quán về thân, hai câu tiếp là chính thức hiển bày giác quán về tâm hành sai biệt, một câu tiếp là trình bày về cảnh đã giác quán. Bốn câu trên là giác quán về chúng sinh đã giáo hóa. Bốn câu tiếp là Hạnh có thể giáo hóa: Một câu đầu là tổng quát hiển bày về Hạnh rộng khắp, hai câu tiếp là hoặc thuận-hoặc nghịch tùy theo thích hợp, một câu sau là hoặc cạn-hoặc sâu tùy theo thích hợp. Bốn câu sau là giáo hóa khiến cho tiến vào quả của Tam thừa.

**Mục sau-** Từ “Phật tử, nhất thiết...” trở xuống là tổng quát kết luận, bảy Trí trước đây đều là Trí của Phật, Bồ-tát có thể tiến vào, cho nên gọi là Trí Đại.

**Trong mục hai-** Từ “Phật tử, chí trú thử địa...” trở xuống là trình bày về Giải thoát Đại, có ba: Đầu là nêu lên phần vị đạt được. Tiếp từ “Tức đắc...” trở xuống là sơ lược hiển bày, có mười:

1- Dựa vào cảnh giới thần thông, chuyển biến tự tại, ngôn từ-ý niệm vốn không đạt tới, như Tịnh Danh đã đạt được.

2- Có thể đi đến vô lượng thế giới, bởi vì lực của Nguyên Trí không có gì chướng ngại.

3- Trình bày về giải thoát lìa bỏ chướng, cho nên nói là quán sát thanh tịnh. Lìa bỏ chướng có hai: a-Dựa theo phần vị thì thế gian-xuất thế gian đã lìa bỏ không giống nhau; b-Dựa vào Học-Vô học sai biệt trong xuất thế gian, Học-Vô học này đều bao gồm Tam thừa.

Trong ba loại trên, hai loại trước dựa theo Thông, một loại này dựa theo Trí, cùng làm một cặp, tổng quát về tướng để trình bày, dựa theo thân để trình bày về Thông, dựa vào con người để hiển bày về Trí.

Ba loại tiếp làm một cặp, một là Thông, hai là Trí.

4- Dựa theo tâm để trình bày về Thông, soi chiếu tất cả căn cơ chúng sinh, tùy theo ý mà chuyển biến, cùng một lúc ứng hiện khắp nơi như Quán Âm thị hiện Phổ môn.

Hai loại tiếp dựa theo pháp để trình bày về Trí.

5- Tức là pháp Đà-la-ni, hiển bày hàng sa công đức tích chứa trong Như Lai Tạng.

6- Tức là có thể phá bỏ ngôn từ của người khác, tùy theo ngôn từ

của họ mà phá bỏ hoàn toàn không có gì chướng ngại.

Hai loại tiếp là một cặp, Thông-Trí hòa vào nhau: Dựa theo thời gian để trình bày về Thông, bởi vì tùy ý trú trì hòa vào nhau mà hiểu rõ về kiếp của ba đời; dựa theo nhân duyên tích tập để hiển bày về Trí, bởi vì trong pháp giới hàm chứa đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

Hai loại sau là một cặp, dựa theo tướng tức là trình bày về Thông-Trí, dựa theo thân là trình bày về Thông, bởi vì vắng ánh sáng không tách lìa một thân mà soi chiếu khắp nơi, là vắng ánh sáng của giải thoát; dựa theo thời gian để trình bày về Trí, bởi vì dựa vào một mà có thể nhận biết nhiều.

Sau từ “Thử thập...” trở xuống là kết luận về phần mở rộng.

**Mục ba-** Từ “Như thị nãi chí...” trở xuống là tổng quát ví dụ ba loại còn lại (Tam-muội Đại, Đà-la-ni Đại và Thần thông Đại). Phần trình bày về Đại Tận, xong.

**Phần 5-** Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát thông đạt như thị...” trở xuống là phần giải thích tên gọi, trong đó có ba: a-Có thể tiếp nhận mây mưa Đại pháp của Như Lai, cho nên gọi là Pháp Vân; b-Từ “Phật tử, thử địa Bồ-tát dĩ tự nguyện...” trở xuống là trình bày về năng lực rưới mưa diệt trừ phiền não, cho nên gọi là Pháp Vân; c-Từ “Phật tử, thử địa Bồ-tát ư nhất niệm...” trở xuống là trình bày về rưới mưa phát sinh thiện căn, cho nên gọi là Pháp Vân.

Nhưng hai phần sau, từ chính mình mà nhận lấy tên gọi. Nay một phần này, từ pháp đã tiếp nhận mà thiết lập tên gọi, Luận nói: Mây và pháp tương tự, bởi vì che phủ khắp nơi; nghe pháp trong Địa này tương tự, bởi vì giống như thân hư không che phủ khắp nơi. Nghĩa là mây của thân Phật che phủ khắp nơi pháp giới, mưa của pháp cũng nhiều, chỉ riêng Địa này có thể tiếp nhận, cho nên gọi là Pháp Vân.

*Trong phần a,* văn có hai: Một-Tổng quát trình bày về đức chủ động tiếp nhận, do thành tựu niệm lực của bảy Trí trước đây mà có thể tiếp nhận nhiều pháp, Trí này thật sự thành tựu nhiều đức, cho nên nói là Vô lượng Bồ-đề, gần thì nói về nghĩa thọ trì mà thôi. Hai-Từ “Thập phương...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của pháp tiếp nhận.

Trong mục hai có ba: 1-Tổng quát hiển bày về tiếp nhận nhiều; 2-Trả qua số lượng hiển bày về nhiều; 3-Hỏi đáp hiển bày về nhiều.

**Mục 1-** Tổng quát hiển bày về tiếp nhận nhiều, có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp có ba: Một- Trình bày về nhiều pháp đã tiếp nhận.

Hai- Từ “Đại pháp minh...” trở xuống là pháp vi diệu đã tiếp nhận, cho nên sau phần Hợp nói là Tạng bí mật. Văn có ba câu: Hai câu trước là Tánh, nghĩa là do ba Tuệ mà nhận biết gọi là tự tánh của pháp, bởi vì Đại Pháp Minh là Trí về Văn-Tư thâm nhiếp tiếp nhận, soi chiếu là do Tu tuệ mà thâm nhiếp tiếp nhận; câu sau là Tác, nghĩa là thuyết giảng trao cho chúng sinh như mây, bởi vì rưới xuống làn mưa giáo pháp cho người khác. Ba- Từ “Ưu nhất niệm...” trở xuống là hiển bày về đức có thể tiếp nhận. Trong một niệm là bởi vì nhanh chóng, đã nhiều vi diệu mà lại nhanh chóng, lần lượt chuyển tiếp hiển bày về thù thắng. Luôn luôn an ổn, là bởi vì có thể luôn luôn an ổn tiếp nhận văn từ. Thọ là tin tưởng mà tiếp nhận. Hai loại trên là tiếp nhận về văn từ. Nhiếp là tư duy thâm nhiếp mà chọn lấy nghĩa lý. Trì là thâm nhiếp tiếp nhận văn từ-nghĩa lý ấy mà thành tựu hai Trì, ở đây chỉ nói về Thuận.

Sau trong Dụ và Hợp bao gồm trở lại hiển bày về không có thể, văn đều dễ hiểu.

**Trong mục 2-** Từ “Phật tử, thí như đại hải...” trở xuống là trải qua số lượng hiển bày về nhiều: Trước là Dụ, sau là Hợp. Biển luôn luôn an ổn, là bởi vì tiếp nhận tất cả dòng chảy. Thọ là bởi vì không cấu trược, cấu trược như không tin. Nhiếp là bởi vì những dòng chảy khác xuôi vào đều mất đi tên gọi vốn có. Trì là bởi vì Dụng không thể cùng tận.

**Trong mục 3-** Từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là hỏi đáp hiển bày về nhiều: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

**Trong mục b** là giải đáp có hai: Trước là so sánh để hiển bày rõ ràng về pháp rộng nhiều đã tiếp nhận từ một vị Phật; sau từ “Như nhất Phật...” trở xuống là tương tự hiển bày về nhiều vị Phật. Nói về Tạng pháp của ba đời, là kho tàng giáo pháp của ba đời chư Phật. Nhưng mà Luận nói: Kho tàng của ba loại sự việc ở trong pháp giới, là ý chọn lấy Pháp Minh soi chiếu, mà mưa tích tụ ở pháp giới. Bởi vì Kinh ấy nói là Tạng pháp giới, cho nên đưa ra cách giải thích này.

**Phần b-** Năng lực rưới mưa diệt trừ phiền não là trong giải thích tên gọi, mây... trong này như phẩm Xuất Hiện mở rộng trình bày. Vầng mây Từ Bi che phủ khắp nơi, tiếng sấm giáo pháp làm cho mọi loài kinh hãi, Thông-Minh-Vô úy soi chiếu căn cơ, nhanh chóng khiến cho thấy Đạo. Dùng nhân của phước trí thành tựu đủ loại thân, hình dạng như mây mà hiển bày về nhiều, làn mưa giáo pháp đích thực có thể phá tan bốn Ma.

**Phần c-** Năng lực rưới mưa phát sinh thiện căn, là giải thích tên gọi của tám tướng dần dần tăng thêm, có thể biết.

**Phần 6:** Trong phần thần thông lực Hữu thượng-Vô thượng, có sáu loại tướng: Một- Dựa vào bên trong; Hai-Dựa vào bên ngoài; Ba-Tự tướng; Bốn- Tướng tạo tác trú trì; Năm- Tướng khiến cho hoan hỷ; sáu-Đại thù thắng.

Nếu dựa vào văn kinh thì phân hai: Bốn loại trước hợp lại làm một phần, chính thức hiển bày về thần thông; hai loại sau hợp lại làm phần, đoạn trừ nghi ngờ-hiển bày thù thắng.

**Phần a-** Chính thức hiển bày về thần thông, phân hai: Trước là riêng biệt trình bày; sau là tổng quát kết luận.

Trong riêng biệt có ba mục:

**Mục một-** Trình bày về dựa vào bên trong: 1- Trí tuệ thông suốt rõ ràng, tức là Trí phát khởi của Thông, cũng là Đà-la-ni; 2- Thần thông là Thể của Thông; 3- Tự tại tức là Đức của Thông, cũng thâm nhiếp Giải thoát không thể nghĩ bàn cùng với Tam-muội. Đầy đủ ba sự việc này tức là Thông Vô thượng.

**Mục hai-** Từ “Tùy kỳ...” trở xuống là dựa vào bên ngoài, nghĩa là nghiệp dụng dựa vào cảnh bên ngoài mà khởi lên. Cũng là tướng thứ ba dựa vào Tự tướng, bởi vì tác dụng chuyển biến là tướng của Thần thông. Hai loại này trong văn kinh là một nghĩa mà phân làm hai, nay dựa vào Tự tướng để giải thích, văn tự nhiên có hai loại: 1- Chuyển biến sự việc bên ngoài, trong đó có ba: a- Chuyển biến tóm lược-mở rộng thuộc về đồng loại; b- Từ “Cấu thế giới...” trở xuống là chuyển biến sự việc khác nhau thuộc về tịnh-nhiễm; c- Từ “Hoặc tùy tâm...” trở xuống là chuyển biến tự tại thuộc về mảy trần chứa đựng thế giới... 2- Từ “Hoặc tùy tâm niệm ư nhất mao...” trở xuống là Ứng hóa thuộc về tự thân, có thể biết.

**Mục ba-** Từ “Hoặc tùy tâm niệm ư nhất niệm trung thị hiện bất khả thuyết...” trở xuống là tướng tạo tác trú trì, nghĩa là thường sử dụng mà không dứt.

**Phần b-** Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trong phần đoạn trừ nghi ngờ-hiển bày thù thắng, có hai: Một-Đoạn trừ nghi ngờ; hai-Hiển bày thù thắng.

**Mục một-** Tức là Luận nói sinh lòng hoan hỷ bởi vì trừ bỏ nghi ngờ, trong đó có hai: 1-Nêu ra lực Thần thông của mình đoạn trừ nghi ngờ; 2-Thuyết pháp để đoạn trừ nghi ngờ.

**Mục 1-** Có hai lần hỏi đáp: a-Một lần hỏi đáp để hiển bày về Thần lực Vô thượng, khiến cho Đại chúng hoan hỷ; b-Một lần hỏi đáp để hiển bày về Thần lực Hữu thượng, khiến cho Đại chúng hoan hỷ.

Trong mục a: Trước là thưa hỏi, sau là giải đáp.



Trong thưa hỏi: Đầu là Đại chúng sinh lòng nghi ngờ, nêu ra Phật nghi ngờ về Bồ-tát, sự việc như trên thì Phật có thể đạt được như vậy, Bồ-tát lẽ nào như vậy hay sao? Sau là vị Thượng thủ vì Đại chúng mà thưa thỉnh.

Trong giải đáp có hai tiết: Một-Nhập Định để hiện bày thần thông; hai-Thưa hỏi và giải đáp để quyết định lựa chọn.

**Tiết một:** Ngay nơi sự việc để nghiệm xét, trong đó có ba: 1- Vị Pháp chủ tiến vào Định, Thể tánh của quốc độ không có nơi nào không dung thông, cho nên một thân có thể bao hàm không có gì ở ngoài. 2- Từ “Nhập thử...” trở xuống là Đại chúng nhìn thấy biểu hiện thần thông tự tại kỳ lạ hiếm có, cho nên Phật hiệu là Thông Vương. 3- Từ “Kim cang...” trở xuống là thấu nhiếp Dụng tăng thêm tôn kính.

**Tiết hai-** Từ “Nhĩ thời Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là thưa hỏi và giải đáp để quyết định lựa chọn, trong đó có ba: 1- Thưa hỏi về danh tự. 2- Từ “Hựu vấn...” trở xuống là phạm vi giới hạn của nghiệp dụng. 3- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú...” trở xuống là tương tự hiển bày về rộng nhiều, trong đó có hai: a- Chỉ kết luận nhiều Định đã hiển bày về nghiệp dụng khó nghĩ bàn; b- Từ “Phật tử, thử Pháp Vân...” trở xuống là kết luận tóm lược hiển bày rộng lớn, thì những đức còn lại đều là vô tận. Trong này cũng chính là sự việc trong phần Đại Tận.

**Trong mục b-** Từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là hiển bày về Thần lực Hữu thượng, là bởi vì không bằng Phật: Trước là thưa hỏi, sau là giải đáp.

Trong thưa hỏi: Tức là nêu ra Bồ-tát nghi ngờ về Phật, nghĩa là Bồ-tát đã thật sự đạt được như vậy, thì Phật lẽ ra không thù thắng? Nếu nói thù thắng thì tướng ấy thế nào? Vì vậy ngôn từ thưa hỏi thì giống nhau mà ý nghi ngờ cách biệt rất xa.

Trong giải đáp có ba tiết: Một-Tổng quát quở trách về thưa hỏi, không phải là hiển bày về đức vô lượng của Phật. Hai-Từ “Phục thử...” trở xuống là nêu ra những điều chưa nói để hiển bày về đức vô lượng của Phật, nghĩa là trước đây đã nói chính là một phần công đức của Địa thứ mười, như một ít đất của thế giới hệ (Tứ thiên hạ), đem toàn bộ đức của Bồ-tát so với Như Lai, giống như đất của thế giới hệ đem so với mặt đất vô biên, huống hồ đem một phần của mình đã nói để so với Như Lai, thì như một hòn đất mà so với mặt đất vô biên, vốn là Phật chứng đến cuối cùng hay sao? Ba-Từ “Phật tử, ngã kim...” trở xuống là dẫn ra sự việc tương tự để hiển bày về đức vô lượng của Phật.

**Mục 2-** Từ “Phật tử, Bồ-tát trú như thị trí tuệ...” trở xuống là thuyết

pháp để đoạn trừ nghi ngờ, nghĩa là Trí tuệ của Bồ-tát ở Địa này có thể khiến cho chúng sinh tiến vào Nhất thiết trí, lại hiển bày về đức đã nói trước đây là không hư dối, cho nên đoạn trừ nghi ngờ, sinh lòng hoan hỷ.

Nhưng văn dưới đây là nêu ra tâm của Địa để so sánh với các Địa trước đây, tức là quả Điều Nhu mà Luận lại đưa vào trong phần trước, muốn hiển bày về các loại nghĩa lý sai biệt (Nghĩa môn), xu thế cuối cùng phần nhiều tựa như mê hoặc lòng người, như dựa theo thể lệ trên. Trên đây là phần nói về Hạnh của Địa, xong.

Dưới đây là phần tiếp theo trình bày về Quả của Địa, trong đó cũng có ba quả:

*Trong quả Điều Nhu có năm:* Một-Hạnh Điều Nhu; Hai- Từ “Thử địa Bồ-tát trí tuệ...” trở xuống là Trí thuộc Giáo thanh tịnh; Ba- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát dĩ năng an trú...” trở xuống là tự tại thù thắng; bốn- Từ “Thử Bồ-tát thập Ba-la-mật...” trở xuống là tướng thuộc Hạnh riêng biệt của Địa; Năm- Từ “Phật tử, thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận tên gọi của Địa.

*Trong năm loại:* Hai loại trước hợp lại làm phần Thuyết pháp khiến cho hoan hỷ, có thể biết; ba loại sau và hai Quả còn lại đều gọi là Đại thù thắng, hiển bày về nghĩa hàm chứa nhiều, Luận nối liền với xu thế trước đây làm Quả, đã xác định rồi không nói lặp lại.

Ngay trong phần Đại thù thắng: Một- Ba loại trình bày về Thần thông thù thắng; Hai- Trong quả Nhiếp Báo, đạt được mười Bất khả thuyết... gọi là Toán số thù thắng. Hai loại sự việc này hơn hẳn tất cả các Địa, cho nên gọi là Đại thù thắng.

Chỉ nêu ra hai loại này, là bởi vì trình bày trong môn Thần thông Hữu thượng-Vô thượng.

Ngay trong ba loại trước: Trước là trình bày về tự tại thù thắng, trong đó có ba: Một- Nhắc lại phần trước; Hai- Từ “Chư Phật...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; Ba- Từ “Cử yếu...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong riêng biệt hiển bày có năm câu phân làm ba:

1- Câu đầu tức là Hạnh có thể đoạn trừ nghi ngờ, nghĩa là bởi vì khiến cho thông hiểu về nghĩa của Đạo vốn có trong ba đời.

2- Một câu tiếp là Hạnh về thần thông nhanh chóng, bởi vì nghe thuyết giảng về pháp giới bí mật của Như Lai.

3- Ba câu còn lại đều là Hạnh về Tác nghiệp-Trợ đạo, nghĩa là bởi vì ba đạo bình đẳng trợ giúp thần thông giáo hóa làm lợi ích, trong

đó: Câu đầu là làm thanh tịnh quốc độ của Phật, bình đẳng hóa độ, tức là Trợ đạo; câu tiếp là làm Pháp Minh, bình đẳng hóa độ, nghĩa là Giáo Trí hóa độ; câu sau là làm Chánh giác, bình đẳng hóa độ, nghĩa là niệem Từ Bi mà khiến cho có thể Chứng biết. Vì vậy Luận về Kinh nói: Bởi vì khiến cho tất cả chúng sinh có thể Chứng pháp.

Còn lại phần Hạnh riêng biệt của Địa, kết luận về tên gọi của Địa và Toán số thù thắng..., đều có thể biết.

**Phần 7:** Từ “Phật tử, thử Bồ-tát Ma-ha-tát thập địa hạnh...” trở xuống là phần ảnh tượng của Địa, trong đó có bốn Dụ, đó là Hồ-Núi-Biển-Ngọc, dụ cho bốn công đức. Hai Dụ trước là đức của A-hàm, hai Dụ sau là đức của Chứng.

Trong hai Dụ trước: 1- Hồ dụ cho công đức tu hành, tức là Hạnh phát khởi tu tập trong các Địa khởi hành tu tập; 2- Núi dụ cho công đức thắng thượng, tức là dựa vào tu tập mà thành tựu đức, phần vị của đức cao vượt lên.

Trong hai Dụ sau: 3- Biển dụ cho khó hóa độ mà có thể hóa độ, công đức của Đại quả tức là do tu tập mà thành tựu đức, cho nên có thể đạt đến Đại quả. Nghĩa là biển rộng khó vượt qua, mười đức đều rộng khắp, cho nên gọi là có thể hóa độ. Biển rộng khó thành tựu, bởi vì đầy đủ mười đức có thể thành tựu biển Trí, cho nên gọi là Đại quả. Cách giải thích này đã hàm chứa đầy đủ Pháp-Dụ. 4- Ngọc dụ cho công đức kiên cố chuyển đến tận cùng, nghĩa là từ Địa thứ nhất chuyển đến Pháp Vân, chướng không còn mà chứng kiên cố.

Vả lại, Địa thứ mười có ba: Một là tu tập về Địa, nhân trước-quả sau, cho nên hai Dụ đầu hiển bày về điều đó. Hai là thành tựu về Địa tùy theo phần, tu tập thành tựu tức là Trí Phật, cho nên dụ về Ngọc để hiển bày điều đó. Ba là pháp của Địa, dựa vào pháp của Trí Phật tách ra làm mười, cho nên dụ về Biển để hiển bày điều đó, bởi vì một loại sau dung thông hai loại trước không có gì chướng ngại.

Lại bốn Dụ này đều dụ cho Địa thứ mười cùng với Trí Phật của Địa ấy, không phải một-không phải khác, sai biệt của không có sai biệt, mà tông chỉ hướng về (Chỉ thú) đều khác nhau. 1- Hồ dụ cho bắt đầu khác nhau mà kết thúc giống nhau. 2- Núi dụ cho chủ động-thụ động nương tựa sai khác, mặt đất là thụ động nương tựa thì như nhau, núi là chủ động nương tựa thì khác nhau; đây là sai biệt của không có sai biệt. Hai Dụ trước có chủ động-thụ động nương tựa, hai Dụ sau thẳng thắn dụ cho Trí của Địa, không thiết lập chủ động-thụ động. 3- Biển dụ cho toàn bộ như nhau, là Thể của Trí Phật mà mười đức khác nhau, bởi vì đức

không phải là vật riêng biệt, lại có khắp lẫn nhau không giống với núi; đây chính là sai biệt đan xen không có sai biệt, sai biệt dựa vào không có sai biệt. 4- Ngọc dụ cho chỉ là ngọc như nhau mà trước-sau khác nhau, chỉ là Thể của Trí như nhau mà trước-sau tăng thêm sáng ngời, dụ cho tuy không có sai biệt nhưng không ngăn ngại sai biệt.

Vả lại, Hồ dụ cho Thể trước-sau khác nhau, trước không phải là sau mà sau bao gồm trước. Núi dụ cho những pháp trước không phải là những pháp sau, những pháp sau không phải là những pháp trước, mà cùng dựa vào một Thể. Biển dụ cho trước-sau tuy khác mà trước-sau rộng khắp lẫn nhau. Ngọc dụ cho trước-sau chung một Thể, mà những pháp trước không phải là những pháp sau, những pháp sau chắc chắn đầy đủ những pháp trước.

Dụ về Hồ tức là Tiệm thuộc về Viên (Viên gia tiệm), dụ về Núi là Tiệm trong Viên, dụ về Ngọc tức là Viên thuộc về Tiệm, dụ về Biển tức là Viên thuộc về Viên, bốn Dụ viên dung.

Trên đây đã giải thích, ở trong Luận tuy không có Lý nhưng nhất định phải thuận theo như vậy. Nếu hiểu được ý nghĩa này, thì không nghi ngờ về tướng sai biệt của mười Địa... Nay lần lượt nói về 4 dụ:

**Trong mục một-** Hồ dụ cho công đức tu hành, có Pháp-Dụ và Hợp.

**Trong Pháp:** Bắt đầu từ Hoan Hỷ Địa, cuối cùng đến Pháp Vân Địa, gọi là tướng của Hạnh theo thứ tự, thứ tự đã đầy đủ thì hòa vào biển Trí.

**Trong Dụ:** Bốn dòng sông lớn, là mỗi phía đều chảy ra một dòng, đầy đủ như ở phẩm Thập Định, nhưng nói là Đại, tức là A-hàm. Trong luận Tỳ-bà-sa nói là chảy ra hai mươi dòng sông, bởi vì bốn dòng sông rời xa hồ bốn mươi dặm, đều phân làm bốn nhánh, cộng với bốn dòng sông chính làm thành hai mươi. Nay dựa vào dòng sông chính, cho nên nói là Đại. Văn sau nói tăng trưởng là thấu nhiếp mười sáu nhánh sông còn lại. Mà kinh Thắng Man nói là tám, bởi vì năm nhánh sông ở phía Đông, mọi người đều thấy đầy đủ, ba dòng sông lớn còn lại thì danh tiếng lừng lẫy khắp nơi, mười hai nhánh sông nhỏ không nghe-không thấy, cho nên chỉ nói đến tám dòng sông.

**Trong Hợp:** Tâm Bồ-đề hợp với Hồ là nơi chảy ra, thiện căn... hợp với bốn dòng sông; dựa vào tâm Bồ-đề tu tập thực hành Tứ Nhiếp, mà tăng trưởng pháp thiện của mình. Dựa theo phẩm Thập Định trình bày có bốn dòng sông, văn này hàm chứa đầy đủ: 1- Dòng sông Nguyệt Trí tức là nước của Đại Nguyệt; 2- Dòng sông Ba-la-mật; 3- Dòng sông

Tam-muội, tức là thiện căn hiện tại; 4- Dòng sông Đại Bi, là bởi vì bốn Nhiếp pháp tràn ngập chúng sinh. Nói không có cùng tận..., là hợp với không hề khô cạn, bởi vì Đại Nguyện... đều vô tận.

**Trong mục hai-** Núi dụ cho công đức thắng thượng, có bốn: 1- Tổng quát nêu ra Pháp; 2- Từ “Như nhân...” trở xuống là tổng quát hiển bày về Dụ; 3- Từ “Phật tử, như Tuyết sơn...” trở xuống là Pháp-Dụ so sánh hiển bày; 4- Từ “Phật tử, thử thập bảo...” trở xuống là tổng quát kết luận về Pháp-Dụ.

**Mục 1-** Tổng quát nêu ra Pháp. Nói nhờ vào Trí Phật, là bởi vì tu tập Trí Phật bình đẳng mà khởi lên các hạnh tu tập, đã chưa cùng tận, cho nên tùy theo hạnh của mười Địa đều có một loại tăng thượng. Đây chính là tu tập không có sai biệt mà thành tựu đối với sai biệt, dùng gốc thu nhận ngọn không phải là hoàn toàn cách xa.

**Mục 2-** Tổng quát hiển bày về Dụ. Ý của Dụ có thể biết. Tỳ-đà-lê, Trung Hoa nói là Chủng Chủng Trì; Do-càn-đà, Trung Hoa nói là Song Trì; Chước-ca-la, Trung Hoa nói là Luân Vi; Kế-đô Mạt-đế, Trung Hoa nói là Tràng Tuệ.

**Trong mục 3:** Là Pháp-Dụ so sánh hiển bày. Nói về Thể của núi ấy: Hai loại trước là núi đất, tám loại còn lại là núi báu, cho nên Luận nói: Trong này thuần tịnh. Các núi báu dụ cho tám loại Địa. Địa thứ ba thuộc về thế gian vì sao nói là tịnh? Luận nói: Địa chán ngán vốn là thiện thanh tịnh, nghĩa là có thể tu tập pháp thiện, chán ngán làm cho phiền não phải hàng phục, cũng có thể gọi là tịnh, dụ cho núi báu. Nếu nói vốn có trong núi, thì trình bày đều có nghĩa tăng thượng.

Địa thứ nhất là thuốc pháp của Thánh Trí.

Địa thứ hai là hương Giới.

Địa thứ ba là Thiên... đáng quý như vật báu.

Địa thứ tư là xuất thế gian như vị Tiên.

Địa thứ năm là khéo léo tự tại như Dạ-xoa.

Địa thứ sáu là dùng tướng thuộc về nhân tu tập bốn Đế của Địa thứ năm, giống như Thanh văn chưa có thể ra khỏi nơi ấy; Địa thứ sáu vượt qua nơi ấy, thành tựu về quả Vô tận.

Địa thứ bảy là phương tiện khéo léo như Long thần ấy, vượt lên trên nhân của duyên khởi trước đây, gọi là quả Duyên giác.

Địa thứ tám là không có công dụng bởi vì tâm tự tại, Chúng TỰ Tại này tức là các thần Mật Tích.

Địa thứ chín là khéo léo thâm nhiếp chúng sinh, bởi vì tướng của Đại Lực.

Địa thứ mười là đức của Phật, bởi vì như bầu trời đã hoàn toàn trong sáng.

**Luận nói:** Ba loại trước và loại thứ sáu là số lượng thuộc về Phi chúng sinh, các loại còn lại đều là số lượng thuộc về Chúng sinh.

Ngay trong số lượng thuộc về Phi chúng sinh, có hai loại sự việc: 1- Hai loại đầu và loại thứ sáu là sự việc thuộc về thọ dụng, bởi vì giúp đỡ cho Nội báo; 2- Vật báu thứ ba là sự việc thuộc về giữ gìn tích tụ.

Trong thọ dụng có hai: a- Thuốc là đối trị về tăng thêm-giảm bớt của bốn Đại; b- Hương và quả trái là nuôi lớn các chúng sinh, bởi vì Càn-thát-bà thường ăn mùi hương.

Trong số lượng thuộc về chúng sinh lại có sáu loại đối trị thuộc về hoạn nạn:

1: Phước điền của năm Thông đối trị hoạn nạn thuộc về nghèo khó, bởi vì cúng dường vị Tiên ấy có thể sinh ra phước.

2: Dạ-xoa đối trị hoạn nạn thuộc về cái chết, bởi vì uy lực chế ngự quyền thuộc không để cho làm hại người.

3: Rồng đối trị hoạn nạn thuộc về mất mùa, bởi vì rưới mưa hợp thời.

4: Các chúng Tự Tại đối trị hoạn nạn thuộc về không điều hòa thuận phục, bởi vì điều hòa thuận phục những hạng khó điều hòa thuận phục.

5: A-tu-la đối trị hoạn nạn thuộc về nghiệp ác, bởi vì dùng lực của chú thuật để chế ngự các quyền thuộc không tạo ra các điều ác.

6: Trời Đại Uy Đức đối trị hoạn nạn thuộc về kẻ địch A-tu-la, bởi vì Tứ Thiên Vương và Trời Tam Thập Tam đều ở tại núi này.

Luận chỉ hiển bày về nghĩa của Dụ hàm chứa nơi Pháp. Nay tóm lược kết hợp điều đó.

Địa thứ nhất là thuốc pháp, bởi vì đầu tiên là phá trừ Vô minh.

Địa thứ hai là Giới, bởi vì Tuệ vô lậu của Địa thứ sáu giúp đỡ cho Pháp thân.

Địa thứ ba là Thiên..., bởi vì có thể tích chứa giữ gìn.

Địa thứ tư là Đạo phẩm, bởi vì cung cấp giúp cho có thể sinh ra phước.

Địa thứ năm là tu tập, bởi vì không trú vào cho nên vĩnh viễn diệt độ.

Địa thứ bảy là công dụng đầy đủ, bởi vì không có gì thiếu sót.

Địa thứ tám là hóa hiện thuộc về ba thế gian, bởi vì đạt được tự tại.

Địa thứ chín là khéo léo nhận biết về rừng rậm (Trù lâm), bởi vì đạt được Biện tài vô ngại, phá trừ nghiệp-phiền não.

Địa thứ mười là như Phật, bởi vì làm cho bốn Ma phải hàng phục.

Điều nói tích tập ở trong đó, là bởi vì có thể sinh ra tất cả các vật như sự việc đã nói. Không thể tận cùng, là bởi vì tùy thuận tu hành, không vĩnh viễn đoạn dứt, không tạm thời dừng lại.

*Mục 4- Tổng quát kết luận về Pháp-Dụ, tức là kết luận thành tựu về ý chính.*

*Ý chính có hai:* Một- Đã cùng chung một biển Trí mà mang lấy tên gọi sai biệt, thì sai biệt mà không phải là sai biệt; Hai- Nghĩa hiển bày lẫn nhau, nghĩa là mười ngọn núi lớn ấy nhờ vào biển mà mang lấy tên gọi cao hơn, bởi vì nếu ở nơi khác thì không đủ để nói là cao; biển rộng cũng nhờ vào núi lớn mà mang lấy tên gọi sâu rộng, bởi vì hàm chứa về nghĩa lớn ấy. Mười Địa cũng như vậy, nhờ vào Trí Phật mà tu tập cho nên đạt được cao hơn; Trí Phật cũng nhờ vào mười Địa mà không thể nào cùng tận, mới hiển bày về sâu rộng. Vì vậy Luận nói: Nhân quả hiển bày lẫn nhau.

Trước đây nói: Dựa vào Địa, tức là do Địa của Nhất thiết trí mà sinh ra lớn lên-an trú duy trì. Ở đây nói: Dựa vào biển, tức là biển của Nhất thiết trí, bởi vì sâu rộng. Bởi vì núi dựa vào hai nơi, cho nên pháp hàm chứa hai nghĩa, càng hiển bày về điều đó.

Vả lại, Địa thì chỉ dựa vào biển mà bao gồm trình bày về tiến vào, bởi vì mỗi một ngọn núi đều đi sâu vào biển rộng, mỗi một Trí Địa đều hòa vào Trí Phật.

Lại dưới mỗi một ngọn núi đều có mặt đất, thì trong mỗi một Địa đều có Phật Địa.

Lại núi ở trong biển, thì biển không phải là núi; nếu núi dựa vào mặt đất, thì núi tức là mặt đất. Pháp-Hợp thì nghĩa hiển bày không phải là một-khác, suy nghĩ về điều này!

Lại núi nhô lên trên biển thì cao thấp đều khác nhau, nếu chìm vào trong biển thì mức lượng đều như nhau. Giáo-Hạnh của mười Địa thì hơn-kém sai khác rất xa, nếu chứng được Như-hòa vào Trí thì mức lượng đều bình đẳng.

*Mục ba-* Mười tướng của biển rộng trình bày về dụ cho khó hóa độ mà có thể hóa độ, là công đức của Đại quả: Trước là Dụ-sau là Hợp, đều có tổng quát và riêng biệt.

Trong Hợp- Tổng quát nói rằng không thể di chuyển làm mất đi, ở

đây có hai nghĩa: 1- Nhân của biển quả, tướng của mười Địa không thể làm mất đi tên gọi của biển quả sâu rộng ấy. 2- Tướng của nhân thuộc Hạnh của Địa, bởi vì dựa vào biển Trí, không thể làm mất đi tên gọi của Hạnh thuộc về nhân. Bởi vì tướng là thuộc về biển, nhân là thuộc về quả, nếu làm mất đi tướng của nhân thì quả cũng không thành tựu.

Trong Dụ là dựa theo tên gọi của quả không thể làm mất đi. Trong Pháp là nêu ra tên gọi của nhân không thể làm mất đi. Văn phỏng theo tóm lược mà thôi.

Vì vậy Luận nói: Nhân quả thuận theo nhau. Vì sao thuận theo nhau? Nghĩa là mười Địa giống như biển rộng, đây là tổng quát nêu ra. Khó hóa độ mà có thể hóa độ, là hiển bày về nhân thuận theo quả, như mười tướng của biển mới có thể trở thành biển; đạt được quả Đại Bồ-đề vốn là quả thuận theo nhân, như biển thành tựu thì không mất mười tướng. Bởi vì lìa xa mười tướng mà không có biển, lìa xa mười Địa mà không có Trí Phật, mười Địa tức là biển Trí.

Trong riêng biệt thấu nhiếp mười câu làm thành tám: 1- Công đức dễ tiến vào, bởi vì tiến dần từng bước. 2- Công đức thanh tịnh. 3- Công đức bình đẳng. 4- Công đức bảo vệ, bởi vì bảo vệ một Vị của mình luôn luôn không mất. 5- Công đức lợi ích, bởi vì làm lợi ích cho thế gian. 6- Hai câu 6-7 hợp lại làm công đức không khô cạn, bởi vì sâu rộng. 7- Công đức trú xứ, bởi vì Hạnh không có công dụng là trú xứ của Bồ-tát, Kinh nói là Đại thân, là dùng vô lượng thân để tu hạnh Bồ-tát, mười thân tác thành lẫn nhau. 8- Hai câu cuối cùng hợp lại gọi là công đức bảo vệ thế gian.

Địa thứ chín là sóng dâng cao mà không vượt quá giới hạn, không lằm lằm làm tổn thương chúng sinh, nhận biết căn cơ trao cho pháp không sai với căn khí. Địa thứ mười là nếu không có biển rộng, thì bốn châu sẽ chìm trong nước. Những chúng sinh khác không thể nào tiếp nhận thì nhất định sinh ra hủy báng. Lại đạt được hai pháp này, dùng để bảo vệ thế gian.

**Mục bốn-** Ngọc quý báu dụ cho công đức kiên cố chuyển đến tận cùng: Trước là Dụ-sau là Hợp, đều có tổng quát và riêng biệt.

Tổng quát nói: Vượt qua các vật báu. Luận về Kinh nói là tánh vượt qua mười vật báu, tuy không nêu ra tên gọi, mà Luận chỉ nói là vượt qua Lưu ly..., ý chỉ chọn lấy Pha lê... Không có thể sinh ra vật báu, là bởi vì so với bốn Quả-bốn Hạng của Tiểu thừa, và quả thuộc hạnh của Duyên giác, chỉ có Tướng thanh tịnh chứ không có Dụng làm lợi ích chúng sinh. Nay bởi vì sinh ra vật báu cho đến phát ra ánh sáng, thì vượt



qua hơn hẳn các vật báu, cho nên lấy điều đó làm Dụ.

**Luận nói:** Bởi vì sinh ra cho nên chọn lấy, cũng có thể ra khỏi biển cho nên chọn lấy điều đó, ngoại trừ không sinh ra là bởi vì thiếu những nghĩa khác.

Trong riêng biệt thâm nhiếp mười câu làm thành tám, bởi vì câu 6-7-8 hợp lại.

Trong tám câu: 1- Công đức ra khỏi có thể chọn lấy, là chọn lựa mà ra khỏi biển, bởi vì trong Địa thứ nhất, giống như Trí khéo léo quán sát, ra khỏi biển phiền não; 2- Công đức của sắc, bởi vì đối trị hợp lý thì sắc trong sáng rõ ràng; 3- Hình tướng; 4- Không có cấu nhiễm; 5- Thanh tịnh sáng ngời. Điều có thể biết. 6- Công đức đầy khởi Hạnh, tức là ba câu tiếp sau, nghĩa là Trí-Hạnh xuyên suốt phương tiện, Hạnh thâm nhiếp duy trì tự tại, Hạnh biểu hiện cao xa, Tướng-Dụng không nhiễm giống như vật báu Lưu ly ấy. Tụng nói: Kim cang giữ lấy không động cũng không hoại. Ba câu trên đều là trang nghiêm thuộc tướng khác nhau, cho nên hợp lại làm một. Hai câu sau trình bày về công dụng thù thắng: 7- Công đức của Thần lực, Văn-Trì soi chiếu khắp nơi, vốn là Thể-Dụng vi diệu. 8- Công đức không cất giữ, nghĩa là tùy theo vua mưa xuống vật báu, mà không có gì cất giữ tiếc rẻ; dựa theo pháp thì đạt được Chánh Trí của Phật, nhận lấy phần vị như vua, bởi vì khiến cho tất cả chúng sinh cùng tích chứa thiện căn của mình, như tùy ý mưa xuống vật báu.

Trong Hợp nói là làm nhiều Phật sự, vẫn về Hợp có thể biết.

**Phần 8:** Từ “Phật tử, thử tập...” trở xuống là phần lợi ích của Địa, trong đó có ba: Một- Hiển bày về lợi ích của pháp; Hai- Từ “Như thử thế giới...” trở xuống là kết luận nối thông với mười phương; Ba- Từ “Nhĩ thời phục dĩ...” trở xuống là phương khác đến chứng minh.

**Mục một-** Hiển bày về lợi ích của pháp, phân hai: 1- Công đức phát sinh niềm tin; 2- Từ “Vũ chúng thiên...” trở xuống là công đức cúng dường.

**Mục 1-** Công đức phát sinh niềm tin, lại có hai: a-Trình bày về thuyết giảng lợi ích phát sinh niềm tin, nghĩa là muốn khiến cho chúng sinh phát sinh niềm tin quyết định, cho nên thuyết giảng về lợi ích. b-Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là mặt đất rung động phát sinh niềm tin.

Mục a cũng có hai tiết: Một- Tổng quát ca ngợi về pháp khó nghe nổi; Hai- Từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là thưa hỏi-giải đáp hiển bày về lợi ích.

Trong tiết hai là giải đáp có hai: 1- Chính thức hiển bày giống như

Trí Phật. 2- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra để giải thích thành tựu: Trước là ngược lại, sau là thuận theo.

Nhưng nghe có hai nghĩa: Một là nghe rộng như vậy vốn là lợi ích xa; hai là không giữ lấy tướng của nghe, trước-sau viên dung vốn là nghe chân thật. Nghe đã giống như Phật, vì sao lại tu tập thêm nữa? Bởi vì nếu tu hành thêm nữa thì giống như nhiều vị Phật.

Trong mục b là mặt đất rung động phát sinh niềm tin, Phật lực làm duyên mà khiến cho mặt đất rung động, cũng bởi vì phát sinh niềm tin. Vả lại, pháp như vậy cũng là nhân.

Còn lại như Hội thứ nhất đã trình bày.

**Phần ba:** Là phần Trùng tụng. Nếu chọn lấy Trường hàng phân tích thì đây là phần thứ mười, trong đó có hai: 1- Ý và nghi thức thuyết kệ; 2- Chính thức hiển bày về ngôn từ của kệ.

**Phần 1:** a- Nghi thức thuyết kệ; b- Từ “Dục tán...” trở xuống là ý thuyết kệ.

**Phần b-** Ý thuyết kệ có chín câu, ý chính giống như các Hội trước đây. Nay dựa theo Hội này để giải thích: 1- Tức là hiển bày về Địa thứ nhất. 2- Tức là Địa thứ hai, bởi vì ba Tụ giới làm cảnh của Hạnh. 3- Tức là chán ngán và Thiền định thuộc về Địa thứ ba-thứ tư, bởi vì Trí xuất thế gian đều là lực của Hạnh đối trị làm cho thanh tịnh. 4- Tức là Địa thứ năm, bởi vì năm Minh thành tựu Chứng trí. 5- Tức là Địa thứ sáu, bởi vì Bát-nhã có thể trừ diệt cấu nhiễm. 6- Tức là Địa thứ bảy, bởi vì Không-Hữu vô ngại cùng với Nhất thiết trí. 7- Tức là Địa thứ tám, bởi vì Trí không có công dụng-không thể nghĩ bàn, làm trang nghiêm ba thế gian. 8- Tức là Địa thứ chín-Địa thứ mười, bởi vì có thể thuyết giảng-có thể tiếp nhận các công đức. 9- Tức là tổng quát kết luận, chính là chỉ ra tám câu trên, nghĩa của các Địa như vậy, dùng tụng để trình bày, nói là lại hiển bày mở rộng ra.

**Phần 2:** Chính thức hiển bày về ngôn từ của kệ, có bốn mươi hai kệ, phân ba: Đầu là một kệ tổng quát ca ngợi và khuyến khích lắng nghe; sau cuối là một kệ kết luận về thuyết giảng vô tận. Phần giữa là chính thức thuyết kệ, phân tám:

Một- Có mười ba kệ, tụng về phần phương tiện làm đầy đủ cho Địa, trong đó: Đầu là hai kệ rưỡi, tổng quát tụng về công đức khéo léo chọn lựa trong Đồng tướng của chín Địa trước; những kệ còn lại, tụng về nghĩa riêng biệt của các Địa. Nếu dựa vào tổng quát thấu nhiếp, thì theo thứ tự tụng về mười Địa trước. Trong tám Địa trước, riêng Địa thứ ba có nửa kệ, các Địa còn lại đều có một kệ, Địa thứ chín có ba kệ bao



gồm kết luận tiến vào phần vị.

Hai- Có một kệ, tụng về phần đạt được Tam-muội.

Ba- Có năm kệ rưỡi, tụng về phần nhận lấy chức vị.

Bốn- Có ba kệ rưỡi, tụng về phần tiến vào Đại Tận.

Năm- Có ba kệ, tụng về phần giải thích tên gọi.

Sáu- Có hai kệ, tụng về phần Thần thông lực Hữu thượng-Vô thượng.

Bảy- Có bốn kệ rưỡi, tụng về quả của phần vị trước, cũng là phần Thần thông thâm nhiếp, như phần Trường hàng phân rõ.

Tám- Có bảy kệ rưỡi, tụng về phần ảnh tượng của Địa, trong đó: Đầu là ba kệ rưỡi, tụng Dụ về Núi; tiếp là hai kệ, tụng Dụ về Biển; sau là hai kệ, tụng Dụ về Ngọc.

Dụ về Hồ và phần lợi ích của Địa, văn lược qua không tụng. Phần lợi ích ấy, cũng có thể kết luận về thuyết giảng vô tận, tụng về Thập Địa.

